

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 8 - 2025
“V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Lợi
2. Ông Nguyễn Quang Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Đức Hậu - Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ (Cơ sở 2), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố S, xã T, tỉnh Phú Thọ; “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố S, xã T, tỉnh Phú Thọ; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2024 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn B kết hôn với nhau ngày 27/12/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND xã T, tỉnh Phú Thọ). Việc kết hôn là do anh chị tự nguyện,

không ai bị lừa dối, hay bị cưỡng ép kết hôn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu và hai bên gia đình nhất trí. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng bố mẹ anh B tại TDP S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên chỉ một thời gian sau chị phát hiện anh B bị nghiện ma túy. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng khi anh B bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc vào tháng 7 năm 2023, từ đó vợ chồng không cho sự quan tâm đến nhau, tình cảm hai bên dần nguội lạnh. Ngày 20 tháng 7 năm 2025 anh B chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc và trở về nhà sinh sống, dù đã cố gắng giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là cháu Dương Thị Lâm Tâm N, sinh ngày 10/11/2006 và cháu Dương Phúc V, sinh ngày 12/01/2017. Cháu N đã trên 18 tuổi và lao động tự túc được nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu V hiện nay đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất toàn bộ với lời trình bày của chị N về thời gian, địa điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác nhận anh là người nghiện ma túy từ lâu, đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 7 năm 2025 thì chấp hành xong. Quá trình anh đi cai nghiện thì chị N chỉ thăm nom anh 1 lần, ngoài ra không hỏi thăm hay động viên anh gì khác. Nay chị N không còn tình cảm với anh và muốn ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị N có 02 con chung là cháu Dương Thị Lâm Tâm N, sinh ngày 10/11/2006 và cháu Dương Phúc V, sinh ngày 12/01/2017. Cháu N đã trên 18 tuổi và lao động tự túc được nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu V hiện nay đang ở với chị N. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ tại phiên

tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Dương Văn B, về con chung: đề nghị giao cho chị N được nuôi dưỡng cháu Dương Phúc V, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Văn B có địa chỉ tại: TDP S, xã T, tỉnh Phú Thọ. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 27/12/2005 phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Việc chị N làm đơn xin ly hôn anh B vì xác định không còn tình cảm với anh B, nguyên nhân là do anh B nghiện ma túy, không quan tâm, không có trách nhiệm gì với gia đình. Tháng 7 năm 2023 anh B bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình giải quyết vụ án anh B cũng thừa nhận anh là người nghiện ma túy từ lâu, ngoài lần đi cai nghiện bắt buộc tháng 7/2023 thì trước đó anh đã bị đi cai nghiện bắt buộc 1 lần khác và 01 lần bị Tòa án xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Trong quá trình đi cai nghiện bắt buộc thì chị N chỉ đến thăm anh 1 lần, ngoài ra chị không hỏi thăm anh gì cả; anh cũng không gọi điện về thăm hỏi chị N; khi chị N xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến con cái và anh là người theo đạo Thiên chúa giáo nên không thể đồng ý ly hôn với chị N. Điều đó cho thấy giữa anh B và chị N đã không còn tình cảm thực sự, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh B có 02 con chung là cháu Dương Thị Lâm Tâm N, sinh ngày 10/11/2006 và cháu Dương Phúc V, sinh ngày 12/01/2017. Cháu N đã trên 18 tuổi và lao động tự túc được nên anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu V hiện nay đang ở với chị N. Ly hôn chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị N là chính đáng. Theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Hiện tại theo như chị N cung cấp thì chị N đang làm việc tại làm salon Tóc tại địa phương; mặc dù chị làm công việc tự do nhưng có thu nhập ổn định, có thể chăm lo cho con cái. Còn anh B mới chấp hành xong cai nghiện bắt buộc nên chưa có công việc ổn định. Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi cháu V được sinh ra đến nay vẫn ở cùng chị N, trong thời gian anh B đi cai nghiện bắt buộc thì chị N vẫn đảm bảo đầy đủ điều kiện ăn học cho con chung, bên cạnh đó cháu V cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Qua xem xét điều kiện thực tế chị N có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung, xét nguyện vọng của con chưa thành niên là cháu Dương Phúc V, để không làm xáo trộn cuộc sống đang ổn định của cháu V cũng như để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử nhận thấy giao con chung cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, anh B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị N, anh B đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Dương Văn B.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Phúc V, sinh ngày 12/01/2017, hiện cháu đang ở với chị N. Anh Dương Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0002521 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thanh